

UBND TỈNH NINH BÌNH  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**  
Số: 44/QĐ-SCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Ninh Bình, Ngày 03 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG NINH BÌNH**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tài chính – Tổng hợp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công thương Ninh Bình năm 2020 (Có biểu kèm theo).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch tài chính tổng hợp và các phòng ban, đơn vị liên quan thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu: VT, KHTCTH.



**Hoàng Trung Kiên**

Đơn vị: Sở Công thương Ninh Bình  
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày tháng 02 năm 2021

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020**

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Ước thực hiện /Dự toán năm (%)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>260.0</b>	<b>279.1</b>	<b>107.3%</b>	<b>47.6%</b>
1	Lĩnh vực quản lý năng lượng: Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.	100.0	191.3	191.3%	61.7%
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu...	50.0	27.8	55.5%	18.1%
3	Phí thẩm định cấp giấy phép vật liệu nổ công nghiệp	25.0	14.3	57.1%	40.8%
4	Lĩnh vực hóa chất: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất, xác nhận biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất	5.0	3.0	60.0%	91.6%
5	Lĩnh vực quản lý thương mại: Thẩm định, cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thương mại	70.0	29.4	42.0%	49.8%
6	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3.0		0.0%	
7	Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	7.0	13.3	190.1%	51.6%
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>210.0</b>	<b>-</b>	<b>0.0%</b>	<b>0.0%</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>210.0</b>	<b>-</b>	<b>0.0%</b>	<b>0.0%</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	210.0		0.0%	0.0%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>50.000</b>	<b>41.6</b>	<b>83.3%</b>	<b>49.1%</b>
1	Lĩnh vực quản lý năng lượng: Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện...; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	10.0	19.1	191.3%	61.7%

2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu...	1.0	2.8	275.9%	18.0%
3	Phí thẩm định cấp giấy phép vật liệu nổ công nghiệp	2.0	1.4	71.4%	40.8%
4	Lĩnh vực hóa chất: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất, xác nhận biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất	0.5	0.3	60.0%	91.7%
5	Lĩnh vực quản lý thương mại: Thẩm định, cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thương mại	32.5	14.7	45.2%	49.8%
6	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3.0		0.0%	
7	Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	1.0	3.3	333.0%	64.6%
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>8,720.0</b>	<b>9,132.5</b>	<b>104.7%</b>	<b>110.7%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>8,720.0</b>	<b>9,132.5</b>	<b>104.7%</b>	<b>110.7%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>8,380.0</b>	<b>8,792.5</b>	<b>104.9%</b>	<b>111.2%</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,884.4	5,822.9	99.0%	103.1%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2,495.6	2,969.6	119.0%	131.6%
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo</b>	<b>10.0</b>	<b>10.0</b>	<b>100.0%</b>	<b>100%</b>
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>330.0</b>	<b>330.0</b>	<b>100.0%</b>	<b>100%</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	330.0	330.0	100.0%	100%
<b>II</b>	<b>Nguồn viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				

Ngày tháng 02 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC  
HOÀNG TRUNG KIẾN